

UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Trình độ: Thạc sĩ**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**

**Định hướng: ứng dụng**

**Mã số chuyên ngành: 8340201**

**Thanh Hóa, năm 2024**

Số: 128/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 12/01/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức ngày 15/01/2024 về việc đồng ý ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, mã số: 8340201 (có Chương trình đào tạo, Bản mô tả Chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn quản lý chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý và đào tạo theo đúng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT SDH.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Bùi Văn Dũng**



## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số *122* /QĐ-ĐHHD, ngày *15* tháng *01* năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

**Tên chương trình:** Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

**Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**Chuyên ngành đào tạo:** Tài chính – Ngân hàng

**Mã chuyên ngành:** 8340201

### I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Giới thiệu về chương trình

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng được xây dựng lần đầu với hình thức đào tạo theo tín chỉ. Chương trình đào tạo được xây dựng trên sự phát triển chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng đang đào tạo tại Khoa KT-QTKD, trường Đại học Hồng Đức; kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo của các trường đại học lớn trong nước như Học viện Ngân hàng, trường Đại học kinh tế - Đại học Quốc gia, trường Đại học Ngoại thương, trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh và một số trường ở nước ngoài như University of Exeter (Vương quốc Anh), Monash university (Úc).

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng được đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng, 17 học phần tương đương với tổng số tín chỉ là 60 TC. Trong đó, khối kiến thức chung là 07 TC (bắt buộc), khối kiến thức cơ sở 15 TC (03 TC bắt buộc, 12 TC tự chọn), khối kiến thức chuyên ngành 23 TC (15 TC bắt buộc, 08 TC tự chọn), chuyên đề thực tập 06 TC, đề án tốt nghiệp 09 TC. Được phân bổ đều trong 4 kỳ, trong đó kỳ 1 gồm 5 học phần tương đương với 16 TC, kỳ 2 gồm 6 học phần tương đương với 18 TC, kỳ 3 gồm 5 học phần với 17 TC, kỳ 4 gồm 1 học phần với 9 TC.

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 15 TC	Bắt buộc	03
		Tự chọn	12
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 23 TC	Bắt buộc	15
		Tự chọn	08



4	Chuyên đề thực tập: 06 TC	Bắt buộc	06
5	Đề án tốt nghiệp: 09 TC	Bắt buộc	09
<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60</b>			

Để đảm bảo mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, ngành TCNH đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng viên, cơ sở vật chất, hệ thống tài liệu giáo trình. Theo điều 5 - Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, trường ĐH Hồng Đức đáp ứng đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì ngành, bao gồm 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu trong đó có 01 phó giáo sư và 05 tiến sĩ ngành phù hợp có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng.

Tính đến 31/12/2023, tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường tham gia giảng dạy ngành thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng bao gồm 05 phó giáo sư và 30 tiến sĩ đảm bảo đủ năng lực chuyên môn phù hợp đảm nhận giảng dạy các học phần thuộc CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng. Các giảng viên có năng lực chuyên môn tốt được đào tạo từ các trường đại học uy tín trong nước như Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng,... và các trường đại học nước ngoài có uy tín trên thế giới ở các quốc gia như: Anh, Pháp, Philipin... Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo khang trang với hệ thống phương tiện phục vụ giảng dạy nghiên cứu được trang bị đầy đủ, hệ thống phòng ngân hàng thực hành, phòng kế toán mô phỏng, siêu thị thực hành được đưa vào ứng dụng trong giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học phù hợp với thực tiễn, phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên.

## **2. Thông tin chung về, chương trình**

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Tài chính - Ngân hàng
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Finance and Banking
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo:	<b>8 340201</b>
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa: Kinh tế - Quản trị kinh doanh Bộ môn: Tài chính - Ngân hàng
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh:	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo:	18-24 tháng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	60 tín chỉ
Điều kiện tốt nghiệp:	Hoàn thành các học phần theo quy định, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT và bảo vệ thành công đề án



Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng/The Degree of Master in Finance - Banking
Vị trí làm việc:	Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ TCNH có thể công tác ở các vị trí như chuyên viên quản lý kinh tế, tài chính - kế toán ở các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp; chuyên viên quản lý ở các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính phi ngân hàng như công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán; nghiên cứu viên hoặc giảng viên ở các trường cao đẳng, đại học hoặc các viện, học viện nghiên cứu.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; Học viện Ngân hàng; Trường ĐH Ngoại thương; Trường ĐH Tôn Đức Thắng; Trường Đại học Mở TP HCM; các trường đại học nước ngoài như ĐH Greenwich (Vương quốc Anh); ĐH Middlesex (Vương quốc Anh) và ĐH Monash university (Úc)

### 3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

#### 3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng ứng dụng giúp người học có: phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm; kiến thức liên ngành; kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động của các ngân hàng, hoạt động tài chính trong các doanh nghiệp, tổ chức; các kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - ngân hàng; các kỹ năng phù hợp để quản trị, hoạch định chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng; năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm để thực hiện, quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn, thích ứng với môi trường làm việc.

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể

##### 3.2.1. Kiến thức

**PO1:** Có kiến thức tổng hợp về lý luận chính trị, tự nhiên và xã hội; Nắm vững các kiến thức liên ngành bao gồm: quản trị kinh doanh, kinh tế, kế toán... vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế.

**PO2:** Có kiến thức chuyên môn chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - ngân hàng để phân tích, luận giải, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động quản trị tài chính và quản trị ngân hàng.

##### 3.2.2. Kỹ năng

**PO3:** Vận dụng thành thạo các kiến thức đã học để phân tích, giải quyết, khám phá các



vấn đề mới liên quan đến lĩnh vực tài chính và ngân hàng, đáp ứng tốt nhu cầu công việc.

**PO4:** Đạt chuẩn tiếng Anh tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam đáp ứng các yêu cầu công việc trong thực tiễn.

### **3.2.3 Mức tự chủ và trách nhiệm**

**PO5:** Có năng lực làm việc độc lập; có khả năng định hướng và tầm nhìn chiến lược về lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có năng lực học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn để phục vụ nhu cầu công việc.

## **4. Chuẩn đầu ra của chương trình**

### **4.1. Kiến thức**

**PLO1:** Vận dụng được các kiến thức nền tảng về lý luận, phương pháp luận, thế giới quan; kiến thức tổng hợp liên ngành về kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán... để thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế

**PLO2:** Vận dụng kiến thức thuộc lĩnh vực tài chính và ngân hàng để phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh, thực hiện hoạt động quản trị tài chính, quản trị ngân hàng tại các ngân hàng, các tổ chức tài chính và các tổ chức xã hội khác.

### **4.2. Kỹ năng**

**PLO3:** Phân tích, tổng hợp và đánh giá được sự thay đổi của chính sách kinh tế, tài chính tiền tệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**PLO4:** Vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên ngành về các lĩnh vực ngân hàng thương mại, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính cá nhân, tài chính vi mô... để phân tích, đánh giá, giải quyết tốt các công việc đảm nhận.

**PLO5:** Có kỹ năng tổ chức, điều hành, đánh giá hoạt động tài chính, ngân hàng của các ngân hàng, các tổ chức tài chính, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội khác.

**PLO6:** Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.

### **4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

**PLO7:** Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; năng lực quản lý, đánh giá và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng một cách khoa học và sáng tạo; chủ động, vận dụng kiến thức mới; thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

## **5. Chuẩn đầu vào của chương trình**

- Người học đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng sau khi hoàn thiện các học phần bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển theo danh mục bổ sung kiến thức được quy định trong danh mục học phần bổ sung.

- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa bậc đại học (tính lẻ đến 02 chữ số thập phân) theo thang điểm 4 (cộng thêm điểm ưu tiên nếu có) của ngành phù hợp không phân biệt loại hình đào tạo, phương thức đào tạo. Đối với trường hợp văn bằng đại học liên thông từ



trung cấp, cao đẳng thì điểm được tính bằng trung bình chung điểm tích lũy toàn khoá bậc đại học và bậc cao đẳng, trung cấp.

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

#### 6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
	Kiến thức		Kỹ năng		Mức tự chủ và trách nhiệm
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1	✓				
PLO2		✓			
PLO3			✓		
PLO4			✓		
PLO5			✓		
PLO6				✓	
PLO7					✓

#### 7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

##### 7.1. Phương pháp dạy - học

- + Nhóm PP dạy-học trực tiếp: thuyết trình, thảo luận, ....
- + Nhóm PP dạy-học kích não: nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...
- + Nhóm PP dạy-học ứng dụng công nghệ: sử dụng công nghệ trình chiếu slide; dạy học trực tuyến,...
- + Nhóm PP dạy-học độc lập: tự học, kiểm tra cá nhân,...
- + Nhóm PP dạy-học thực hành: thực hành, thực tập, thăm quan thực tế doanh nghiệp.
- + Phương pháp chuyên gia: Trao đổi chuyên đề,...

#### Ma trận tích hợp CĐR của CTĐT và phương pháp dạy-học

PP dạy học	Mức chuẩn đầu ra của CTĐT						
	Kiến thức		Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Nhóm PP dạy-học trực tiếp	✓	✓					
Nhóm PP dạy-học kích não			✓	✓	✓	✓	
Nhóm PP dạy-học ứng dụng công nghệ	✓	✓				✓	

Nhóm PP dạy-học độc lập							✓
Nhóm PP dạy-học thực hành	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Phương pháp chuyên gia					✓		✓

## 7.2. Các phương thức kiểm tra đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ, cụ thể:

- Đánh giá quá trình (30%): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15-30 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Sau đại học xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của học viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp.

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 15 TC	Bắt buộc	03
		Tự chọn	12
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 23 TC	Bắt buộc	15
		Tự chọn	08
4	Chuyên đề thực tập: 06 TC	Bắt buộc	06
5	Đề án tốt nghiệp: 09 TC	Bắt buộc	09
<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60</b>			



## 2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
1	M1	Triết học Mac-Lênin, 04 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&amp;NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Hình thành cho người học được tư duy lôgic, thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, cách mạng khi xem xét và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Nắm vững cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Biết vận dụng được lý luận triết học Mác-Lênin để đánh giá các đúng các hiện tượng xã hội hiện đại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt</p>	<p>* <i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Giáo trình Triết học</i> (2016) (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn) NXB Đại học sư phạm Hà Nội</p> <p>* <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, Hà Nội</p>

			động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân	
2	M2	Tiếng Anh, 03 TC	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng B2</p> <p>- Năng lực đạt được: Học xong học phần này, học viên có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <p>1. Jan Bell and Amanda Thomas (2005), <i>Gold First</i>, Pearsons</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006), <i>Destination B2: Grammar and Vocabulary</i>, Macmillan Education.</p>
3	M3	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý 03 TC	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Nội dung của học phần bao gồm cách xác định vấn đề; thiết kế quy trình; phương pháp thu thập, tổng hợp, xử lý dữ liệu; và phân tích, đánh giá dữ liệu trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng. Ngoài ra, học phần</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <p>- Nguyễn Văn Thắng (2022), Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh (Tái bản lần thứ 4), Nhà</p>



		<p>phần còn giới thiệu cho người học những công cụ thống kê và các phần mềm sử dụng trong phân tích, đánh giá dữ liệu tài chính. Học phần này cần thiết cho đối tượng người học là các cán bộ lãnh đạo, quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Học viên nắm được những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và quy trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu trong các tình huống chuyên ngành cụ thể của học viên; Có khả năng vận dụng thành thạo các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để phân tích, đánh giá và ra quyết định các vấn đề liên quan đến quá trình điều hành, tổ chức, quản lý doanh nghiệp và đơn vị công tác; Có kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý vào phân tích, đánh giá, giải quyết các nhiệm vụ thuộc quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh, quản lý kinh tế và tài chính trong đơn vị; Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày</p>	<p>quốc dân.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>- Nguyễn Đình Thọ (2014), Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, Nhà xuất bản tài chính.</p> <p>- Trần Tiến Khai (2014), Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản, ĐH Kinh tế TP.HCM, NXB Lao động xã hội.</p>
--	--	--	---

			<p>ngiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.</p>	
4	<b>M4A</b>	<p>Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập, 03 TC</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về Nhà nước và quản lý nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Các công cụ và phương pháp để nhà nước thực hiện quản lý nền kinh tế quốc dân; Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế; Bộ máy và cán bộ quản lý Nhà nước về KT trong thời kỳ hội nhập</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học có thể vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng để đánh giá, nhận biết và phân tích sơ bộ hiệu quả của các chính sách quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước. Có kỹ năng phân tích và vận dụng những kiến thức được học vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là khả năng hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, các công cụ, chính sách kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, hoặc của địa phương, cũng như trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể ở nước ta hiện nay.</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Phan Huy Đường (2015), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB ĐHQGHN</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Thái Thị Kim Oanh (2020), <i>Giáo trình Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội</i>, NXB ĐH Vinh.</p> <p>2. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2020), <i>Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>
5	<b>M4B</b>	<p>Kinh tế học quản lý, 03TC</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Kinh tế học quản lý là môn kinh tế học ứng dụng trong thực tiễn quản lý, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các nguyên lý</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <p>1. Tạ Đức Khánh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế quản lý</i>, NXB Giáo dục</p>



			<p>kinh tế vi mô như phân tích cung cầu, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư... kết hợp với các công cụ phân tích của khoa học để đưa ra những quyết định thích hợp về sản xuất và giá cả trong những môi trường cạnh tranh khác nhau.</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học có thể vận dụng những lý thuyết kinh tế và những kỹ thuật định lượng vào phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, những vấn đề mà các nhà quản lý phải đối mặt trong phạm vi chức năng của tổ chức cũng như các chiến lược mà họ phải tính đến từ đó đưa ra những quyết định kinh doanh giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất</p>	<p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Dân, Phạm Quỳnh Mai (2016), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô 2</i>, NXB Tài chính</li> <li>2. Cao Thuý Xiêm, Nguyễn Thị Tường Anh (2012), <i>Kinh tế học vi mô 2</i>, NXB ĐH KTQD</li> <li>3. William Poundstone (2015), <i>Thế lưỡng nan của người tù</i>, NXB LĐ-XH</li> </ol>
6	M5A	Hành vi tổ chức, 03 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần nghiên cứu thái độ và hành vi của người lao động trong tổ chức, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phát huy nguồn lực con người. Học phần làm rõ cơ sở hành vi cá nhân, việc ra quyết định của một cá nhân, vấn đề động lực làm việc của người lao động; cơ sở hành vi nhóm; Lãnh đạo và quyền lực, Giao tiếp trong tổ chức, Xung đột và đàm phán. Bên cạnh đó các vấn đề về tổ chức cũng được đề cập rõ như Cơ cấu tổ chức, Văn hóa tổ chức,</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm Thúy Hương &amp; Phạm Thị Bích Ngọc (2018), <i>Giáo trình Hành vi tổ chức</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bùi Anh Tuấn &amp; Phạm Thúy Hương (2013), <i>Giáo trình Hành vi tổ chức</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.</li> <li>2. Robbins S.P, Timothy A.Judge (2012), <i>Hành vi tổ chức</i>, NXB Lao động</li> </ol>

			<p>Đánh giá và kiểm soát trong tổ chức, Quản lý sự thay đổi và phát triển tổ chức, Quản lý căng thẳng trong công việc.</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được</i>: Kết thúc học phần, học viên hiểu và vận dụng được kiến thức về hành vi của các nhân, hành vi nhóm và hành vi của tổ chức, mối liên hệ giữa hành vi cá nhân và hành vi tổ chức. Giải thích được tại sao các nhân trong tổ chức lại hành động như thế này mà không hành động như thế kia trong những tình huống cụ thể. Nắm được bản chất của nhóm, quản trị và xử lý xung đột trong nhóm. Các biện pháp tạo động lực cho các nhân, các thức tổ chức và xây dựng văn hóa trong tổ chức.</p>	xã hội
7	M5B	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa, 03TC	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Thanh Nhân (2016), Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực căn bản, NXB Thống Kê, Hà Nội..</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Amitabha Sengupta (2021), Quản trị nguồn nhân lực, NXB Hồng Đức</p> <p>2. Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân (2015), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, NXB</p>



			<p>tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự. Duy trì quan hệ lao động theo các thông lệ trong nước và quốc tế</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Có kỹ năng hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ nhân sự trong tổ chức</p>	<p>Thống kê, Hà Nội.</p>
8	M6A	Phân tích kinh doanh	<p>- <i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Nội dung học phần về chức năng, vị trí của phân tích kinh doanh trong doanh nghiệp như: khái niệm, nội dung, các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích tình hình sản xuất; phân tích kết quả sản xuất, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Qua đó, xác định các nhân tố ảnh hưởng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> Kết thúc học phần học viên có năng lực vận dụng các phương pháp phân tích để phân tích hoạt động sản</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Nguyễn Văn Công (2013), Giáo trình phân tích kinh doanh, NXB Đại học KTQD</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Quang (2014), Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2013), Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB lao động- xã hội</p>

			<p>xuất, phân tích tình hình tiêu thụ và kết quả sản xuất, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; có năng lực phân tích độc lập, kỹ năng lập luận và trình bày quan điểm</p>	
9	<b>M6B</b>	Kế toán cho nhà quản lý, 03 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản các vấn đề cơ bản của kế toán, kế toán tài chính và kế toán quản trị, bao gồm bản chất, nguyên tắc trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định; các phương pháp xác định chi phí sản xuất; phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh; mục tiêu của hệ thống kế toán trách nhiệm, các loại trung tâm trách nhiệm; các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn.</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> Kết thúc học phần học viên có năng lực đọc hiểu, phân tích thông tin kế toán phục vụ ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn; có khả năng xác định chi phí, lập và phân tích các loại dự toán; có khả năng vận dụng kiến thức để đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm và có khả năng phân tích các báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp.</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2021), <i>Giáo trình kế toán quản trị</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Võ Văn Nhi, Phạm Ngọc Toàn và cộng sự (2019), <i>Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam</i>, NXB tài chính</p> <p>2. Ngô Thế Chi, Nguyễn Mạnh Thiều (2015), <i>Giáo trình Kế toán dành cho nhà quản lý</i>, NXB tài chính</p>
10	<b>M7A</b>	Kiểm soát quản lý, 03 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p>



			<p>Kiểm soát quản lý cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất kiểm soát quản lý, gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức, trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý (từ lập kế hoạch thực hiện chiến lược, lập dự toán hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động thực tế nhằm xác định sự tác động hay can thiệp nếu cần đến thực hiện chính sách đãi ngộ đối với kết quả hoạt động của các thành viên trong đơn vị).</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học có thể thực hiện được các hoạt động kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp như thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập các nội dung kiểm soát quản lý, trình tự hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý</p>	<p>1. Nguyễn Ngọc Huyền (2018), <i>Kiểm soát</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), <i>Kiểm soát nội bộ</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Bob Tricker, dịch giả Nguyễn Thị Thu Hương (2020), <i>Kiểm soát quản trị</i> (Corporate Governance), NXB tổng hợp TP HCM</p>
11	<b>M7B</b>	Kiểm soát nội bộ, 03TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về KSNB như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSNB. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Nguyễn Hữu Ánh (2021), <i>Kiểm soát nội bộ</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), <i>Kiểm soát nội bộ</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. VCCI, UNDP (2020),</p>

			<p>bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán. Đồng thời, có kỹ năng nhận diện, đánh giá rủi ro trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị. tổ chức KSNB trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị, đánh giá KSNB trong các đơn vị được kiểm toán khi tiến hành các hoạt động kiểm toán</p>	<p><i>Manual on Application of Internal Controls and Codes of conduct in business – Reference for Vietnamese Business</i>, NXB Tài chính.</p>
12	M7C	Hệ thống thông tin quản lý, 03TC	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của hệ thống thông tin quản lý. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành của hệ thống thông tin quản lý. Hiểu được nội dung tổ chức, vận hành, sử dụng kết quả do hệ thống thông tin quản lý của đơn vị mang lại.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng xử lý và thu thập, tổng hợp,</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Trần Thị Song Minh (2019), <i>Hệ thống thông tin quản lý</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Đàm Gia Mạnh (2017), <i>Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. Effy Oz, <i>Management Information System</i>, 6 th Edition</p> <p>4. Kenneth C. Laudon and Jane P.Laudon</p>



			<p>phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán. Đồng thời, có kỹ năng nhận diện, phân loại, phân tích dữ liệu thông tin dưới dạng các loại thông tin điều hành, thông tin chiến lược, thông tin chiến thuật phục vụ cho công tác quản lý của đơn vị. Người học có kỹ năng xây dựng, triển khai HTTTQL, có kỹ năng ứng dụng HTTTQL trong các hoạt động của doanh nghiệp ở cả ba cấp chiến lược, chiến thuật, tác nghiệp</p>	<p>(2016), <i>Management Information Systems-managing the digital firm</i>, Prentice Hall, 13 th Edition</p>
13	<b>M8</b>	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính, 03TC	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên môn về thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính như: Đại cương về tài chính &amp; tiền tệ; Các thị trường tài chính; Công cụ tài chính phái sinh; Ngân hàng; Chính sách tiền tệ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Học viên có thể thành thạo phân tích đánh giá những vấn đề liên quan đến thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính; Các định chế tài chính; Ngân hàng trung ương và thực thi chính sách tiền tệ; Tài chính quốc tế và chính sách tiền tệ; Lý thuyết tiền tệ.</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1.GS.TS. Nguyễn Văn Tiến (2023), <i>Tiền tệ - Ngân hàng &amp; Thị trường tài chính</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2.Nguyễn Văn Ngọc (2021), <i>Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Frederic S.Mishkin (2008), <i>Tiền tệ, Ngân hàng &amp; Thị trường Tài chính</i>, NXB Khoa học</p>

				và Kỹ thuật, Hà Nội
14	<b>M9</b>	Quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại, 03TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những nội dung chính về tài chính doanh nghiệp, đó là dự toán vốn đầu tư, rủi ro và lợi nhuận, chính sách cổ tức, cơ cấu vốn và chi phí vốn, quản trị tài sản ngắn hạn và những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Học viên có thể thành thạo phân tích đánh giá những vấn đề liên quan đến việc dự toán vốn đầu tư; nguồn tài trợ và cơ cấu nguồn tài trợ như thế nào và những quyết định liên quan đến quản lý hoạt động tài chính trong ngắn hạn cũng như những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>- Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), Giáo trình tài chính doanh nghiệp, NXB Đại học KTQD</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>- Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), Giáo trình tài chính Doanh nghiệp, NXB Tài chính</p> <p>- Eugene F. Brigham, Joel F.Houston (2009), Quản trị tài chính, Cengage Learning Asia Ltd (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh dịch)</p>
15	<b>M10</b>	Quản lý Tài chính công, 03TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những nội dung chính về tổng quan tài chính công và quản lý tài chính công; Ngân sách nhà nước (NSNN) và quản lý NSNN; Quản lý thu NSNN; Quản lý chi NSNN; Cân đối thu – chi NSNN và tác động của nó tới sự phát triển kinh tế xã hội; Quản lý tài chính ở các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quản lý nợ công</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> Sau khi</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>-Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016); Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>- Trương Huỳnh Thắng (2016); Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015/ Trương Huỳnh Thắng; NXB, Chính trị Quốc gia.</p>



			<p>học xong học phần người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về phân tích, đánh giá về các vấn đề liên quan đến tài chính công và quản lý tài chính công, từ đó đưa ra các quyết định phù hợp.</p>	<p>- Phan Hữu Nghị, Lê Hùng Sơn (2020), Bài giảng tài chính công, NXB, ĐHKQTĐ</p>
16	M11	Quản trị ngân hàng thương mại, 03TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản trị NHTM hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số: các dịch vụ ngân hàng hiện đại; đo lường và đánh giá hoạt động ngân hàng, đánh giá rủi ro lãi suất, phân tích và kiểm soát hoạt động cho vay, quản lý hoạt động nhận tiền gửi, đánh giá hoạt động mua bán và sáp nhập ngân hàng nhằm phát triển khả năng của người học trong việc phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định quản trị đối với các lĩnh vực hoạt động của NHTM</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> Học viên có thể thành thạo phân tích những vấn đề liên quan đến hoạt động ngân hàng thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>- Peter S. Rose (2003), Quản trị Ngân hàng thương mại (Commercial bank management, NXB Tài Chính.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>- Nguyễn Văn Tiến (2015), Toàn tập Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Lao động.</p>
17	M12	Phân tích và dự báo tài chính, 03 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp kiến thức về dự báo và định giá doanh nghiệp một cách tiếp cận có nguyên tắc và kỹ thuật để phân tích và dự báo tình hình tài chính doanh nghiệp, xác định</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Nguyễn Trọng Cơ (2022), Phân tích tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính</p> <p>2. Cục Quản lý giá</p>

			<p>giá trị doanh nghiệp dựa trên hệ thống báo cáo tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích được báo cáo tài chính và cách tính toán các tỷ số tài chính, phân tích các hoạt động tài chính quan trọng trong doanh nghiệp, lập báo cáo dự báo tầm trung hạn và dài hạn; cách thức tiếp cận và phương pháp để xác định giá trị doanh nghiệp</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học viên có thể thành thạo phân tích đánh giá những vấn đề liên quan đến phân tích tài chính, dự báo và định giá doanh nghiệp</p>	<p>(2019), Giáo trình “ Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá”, tập 2, NXB tài chính</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. TS. Lê Thị Xuân (2023), Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp, NXB Lao động</p> <p>2. TS. Phạm Thị Thùy (2018), Báo cáo tài chính phân tích – dự báo và định giá, NXB đại học KTQD</p>
18	M13A	Lãnh đạo và quản lý, 03 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu, cập nhật về lãnh đạo và quản lý đồng thời rèn luyện các kỹ năng phẩm chất thái độ về xây dựng tầm nhìn, truyền cảm hứng, tạo động lực, giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng quản lý nhân sự, quản trị nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong tổ chức.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng lãnh đạo và quản lý vào trong quá trình điều hành tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng nhu</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), <i>Giáo trình Quản lý học</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân</p> <p>2. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), <i>Khoa học lãnh đạo</i>, NXB lý luận chính trị.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. John C.Maxwell (2012), <i>Phát triển kỹ năng lãnh đạo</i></p>



			<p>cầu phát triển trong thời đại cách mạnh công nghệ 4.0 và quá trình toàn cầu hoá</p>	<p>(DeveloCOng the Leader witthin You), NXB Lao động-Xã hội.</p> <p>4. Nguyễn Bá Dương (2015), <i>Khoa học lãnh đạo Lý thuyết và Kỹ năng</i>, NXB Lý luận chính trị</p>
19	<b>M13B</b>	Quản trị chiến lược trong tổ chức, 03 TC	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp các kiến thức về lý thuyết như: Tổng quan về chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của tổ chức; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng chiến lược cho tổ chức; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các công cụ để hỗ trợ thực hành trong việc xây dựng chiến lược của các tổ chức như ma trận SWOT, Ma trận IE-FE, Ma trận BCG, ma trận McKinsey...</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được</i>: Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chiến lược để đánh giá chiến lược của tổ chức; có thể xác định được các bước để xây dựng chiến lược và vận dụng các công cụ để xây dựng và lựa chọn chiến lược cho một tổ chức cụ thể đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại hội</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Ngô Kim Thanh (2018), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i>, NXB Đại học KTQD.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Hoàng Văn Hải (2017), <i>Quản trị chiến lược</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội</p> <p>3. Ngô Kim Thanh (2012), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i>, NXB Đại học KTQD</p>

			nhập KTQT sâu rộng	
20	M14A	Quản lý tài chính cá nhân, 03TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này đề cập chủ yếu đến khía cạnh quản lý tài chính cá nhân và gia đình, hướng tới cung cấp các khái niệm tài chính gắn liền với các vấn đề, quyết định tài chính mà cá nhân và hộ gia đình thường xuyên đối mặt trong cuộc sống hàng ngày như: quản lý nguồn ngân quỹ, thu nhập; thuế; tiết kiệm; mua bất động sản và các tài sản giá trị cao khác, tín dụng cá nhân, bảo hiểm, đầu tư, hoạch định kế hoạch hưu trí. Thông qua nội dung học phần, học viên sẽ nắm bắt được các nguyên lý cũng như kỹ thuật, phương pháp để quản lý nguồn thu-chi hay tài sản và nghĩa vụ tài chính của cá nhân, hộ gia đình. Thêm nữa, học phần này cũng đề cập đến các trung gian tài chính trong mối quan hệ của các định chế tài chính với cá nhân, hộ gia đình, cũng như nghiên cứu về các công cụ tài chính được các cá nhân và hộ gia đình sử dụng phổ biến</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> Học viên có kỹ năng phân tích, sử dụng các công cụ tài chính và phương pháp quản lý tài chính cá nhân và hộ gia đình</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>- PGS.TS Đỗ Hoài Linh (2023), “Giáo trình tài chính cá nhân”, NXB ĐH KTQD</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>- Rachel Siegel and Carol Yacht, Personal Finance (2009), “Personal Finance”, The Saylor Foundation.</p> <p>Đọc trực tuyến:  <a href="https://open.umn.edu/opentextbooks/textbooks/31">https://open.umn.edu/opentextbooks/textbooks/31</a></p>
21	M14B	Quản trị rủi ro tài chính, 03	- <i>Nội dung học phần:</i> Nội dung	<b>Giáo trình chính</b>



		TC	<p>của học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về quản trị rủi ro tài chính trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và ngân hàng. Học phần trang bị cho các nhà quản trị tài chính trong các doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại cách nhận diện, đánh giá, phân tích; đồng thời đưa ra các chiến lược quản trị các loại rủi ro tài chính gồm: Rủi ro tín dụng; Rủi ro thanh khoản; Rủi ro lãi suất; Rủi ro tỷ giá</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Học viên có thể vận dụng thành thạo các kiến thức đã học để nhận diện, phân tích rủi ro tài chính và chọn lựa chiến lược quản trị rủi ro tài chính phù hợp với tình hình và điều kiện của các doanh nghiệp và của các ngân hàng thương mại</p>	<p>- Nguyễn Văn Tiến (2018), Thị trường tài chính &amp; Quản trị rủi ro tài chính, Nhà xuất bản Hồng Đức.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>- Nguyễn Minh Kiều (2009), Quản trị rủi ro tài chính, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>- Nguyễn Minh Kiều (2012), Quản trị rủi ro tài chính-Lý thuyết, Bài tập và Bài giải, Nhà xuất bản Tài chính.</p>
22	M15A	Công nghệ tài chính, 02TC	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về công nghệ tài chính, các sản phẩm, dịch vụ công nghệ để có thể thực hiện phân tích, đánh giá cơ bản về các sự kiện liên quan đến lĩnh vực ngân hàng và tài chính. Học viên hiểu, trình bày được các lực đẩy về công nghệ như: tư vấn bằng robot, blockchain, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu quy mô lớn, các nền tảng số hóa tài chính; sau đó là đi</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Susanne Chishti và Puschmann (2018), <i>The WealthTech Book: The FinTech Handbook for Investors, Entrepreneurs<sup>[1]</sup> and Finance Visionaries</i>, Nhà xuất bản Wiley.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Susanne Chishti và Janos Barberis (Biên soạn), Nguyễn Khắc</p>

			<p>sâu vào phân tích diễn giải các quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính như chăm sóc, tư vấn, tăng trải nghiệm khách hàng bằng robot, số hóa các quy trình vận hành tài chính, các nền tảng tài chính số, sản phẩm và hệ sinh thái fintech, blockchain và ứng dụng trong quản lý và đầu tư tài sản; tìm kiếm thông tin và vận dụng được kiến thức cơ bản về Fintech.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học viên hiểu được các khái niệm và các quy luật, xu hướng liên quan công nghệ tài chính; giải thích được nội dung, ý nghĩa của Blockchain, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, các nền tảng số hóa tài chính; Học viên vận dụng các kỹ năng để phân tích diễn giải các quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, giải thích được tác động của các chính sách của chính phủ đến công nghệ tài chính và các vấn đề công nghệ tài chính thực tiễn; Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; tự cập nhật và nâng cao kiến thức về công nghệ tài chính.</p>	<p>Quốc Bảo, Trần Hoài Nam, Lê Đạt Chí (Biên dịch) (2019), <i>The Fintech book – Công nghệ tài chính dành cho người nhìn xa trông rộng</i>, Nhà xuất bản TT&amp;TT.</p>
23	<b>M15B</b>	Tài chính vi mô, 02TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về tài chính vi mô, mô hình tổ chức, chức năng và các hoạt động</p>	<p><b><i>Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)</i></b></p> <p>1. Joanna Ledgerwood</p>



			<p>của tổ chức tài chính vi mô. Học viên hiểu, trình bày được chức năng, vai trò của tài chính vi mô, các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô như hoạt động cho vay, hoạt động huy động vốn, hoạt động bảo hiểm...; từ đó có thể vận dụng kiến thức trong thực hiện các nghiệp vụ của tổ chức tài chính vi mô. Ngoài ra, người học có thể phân tích cơ chế hoạt động, các tác động của tài chính vi mô và các tổ chức tài chính vi mô đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các đối tượng khó khăn trong xã hội</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Hiểu về cơ chế hoạt động, các tác động của tài chính vi mô và các tổ chức tài chính vi mô đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các đối tượng khó khăn trong xã hội.</p>	<p>(2006), <i>Cẩm nang hoạt động tài chính vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội.</p> <p>2. Đào Văn Hùng (2005), <i>Phát triển hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam</i>, NXB Lao động – Xã hội.</p> <p style="text-align: center;"><b>Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)</b></p> <p>1. Hà Văn Dương (2019), <i>Tài chính vi mô: Phát triển – Hiệu quả – Bền vững</i>, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.</p>
24	M16	Thực tập, 06TC	<p>Học phần giúp học viên nâng cao và hoàn thiện kỹ năng chuyên môn, năng lực vận dụng các vấn đề lý thuyết về lĩnh vực quản trị ngân hàng thương mại, quản trị tài chính trong doanh nghiệp, quản lý tài chính công, đầu tư tài chính, thẩm định dự án đầu tư... vào thực tiễn các hoạt động đó tại các tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Học phần giúp học viên trau dồi năng lực,</p>	<p>Các văn bản quản lý, tài liệu, giáo trình, báo cáo khoa học chuyên ngành liên quan</p> <p>Các tài liệu tại đơn vị thực tập</p>

			vận dụng lý luận vào thực tiễn tại các tổ chức, đơn vị để phân tích, đánh giá thực trạng; nhận diện các vấn đề còn hạn chế để từ đó đưa ra các giải pháp cải thiện các tồn tại, hạn chế tại đơn vị nghiên cứu	
25	M17	Đề án tốt nghiệp, 09TC	<p>Đề án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của học viên, giúp đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của học viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học viên được hướng dẫn tìm hiểu hoạt động thực tiễn của các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp xác định các vấn đề quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh doanh nghiệp đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này. Kết thúc học phần, học viên phải hoàn thành được đề án tốt nghiệp và thuyết trình cá nhân trước Hội đồng đánh giá đề án về thực trạng vấn đề quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh doanh nghiệp mà người học đã tìm hiểu, nghiên cứu trong quá trình thực tập, đồng thời đưa ra được các giải pháp phù hợp cho các vấn đề nói trên</p>	<p><b>*Giáo trình bắt buộc</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Toàn bộ giáo trình tài liệu liên quan đến học phần thuộc chủ đề được lựa chọn nghiên cứu.</li> <li>2. Các báo cáo (thứ cấp) liên quan đến chủ đề và đơn vị nghiên cứu.</li> </ol> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <a href="http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/">http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</a></li> <li>2. Các tài liệu liên quan đến chủ đề nghiên cứu.</li> <li>3. Trường đại học Hồng Đức (2022), Các biểu mẫu 1,2,3,5,6,7,8,9,10 về thực hiện Đề án tốt nghiệp thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức</li> </ol>



### 3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

<b>Năm thứ nhất</b>	
<b>Học kỳ 1 (5 HP, 16 TC )</b>	<b>Học kỳ 2 (6 HP, 18 TC)</b>
Kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành 1. Triết học 2. Tiếng Anh 3. Chọn 1 trong 2 học phần: - Học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập - Học phần: Kinh tế học quản lý 4. Chọn 1 trong 2 học phần: - Học phần: Hành vi tổ chức - Học phần: Quản trị nguồn nhân lực 5. Chọn 1 trong 2 học phần: - Học phần: Lãnh đạo và quản lý - Học phần: Quản trị chiến lược trong tổ chức	Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành 1. Phương pháp NCKH trong Tài chính – Ngân hàng 2. Chọn 1 trong 3 học phần - Học phần: Kiểm soát quản lý - Học phần: Kiểm toán nội bộ - Học phần hệ thống quản lý 3. Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 4. Quản lý Tài chính công 5. Lựa chọn 1 trong 2 học phần - Học phần: Quản lý tài chính cá nhân - Học phần: Quản trị rủi ro tài chính 6. Chọn 1 trong 2 học phần: - Học phần: Phân tích kinh doanh - Học phần: Kế toán cho nhà quản lý
<b>Năm thứ hai</b>	
<b>Học kỳ 1 (5 HP, 17 TC)</b>	<b>Học kỳ 2 (1 HP, 09 TC)</b>
Kiến thức chuyên ngành, thực tập 1. Quản trị TCDN hiện đại 2. Quản trị NHTM trong bối cảnh chuyển đổi số 3. Phân tích và dự báo tài chính 4. Chọn 1 trong 2 học phần - Học phần: Công nghệ tài chính - Học phần: Tài chính vi mô 5. Thực tập tốt nghiệp	Đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp

#### 4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT

Chuẩn đầu ra (PLO) của CTĐT có liên quan với mục tiêu (PO) của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm:

Tên Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Triết học Mac-Lênin	✓			✓			
Tiếng Anh						✓	
Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý	✓						
Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập	✓			✓			
Kinh tế học quản lý	✓		✓				
Hành vi tổ chức	✓		✓				
Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa	✓		✓				
Phân tích kinh doanh	✓			✓			
Kế toán cho nhà quản lý	✓			✓			
Kiểm soát quản lý	✓			✓			
Kiểm soát nội bộ	✓			✓			
Hệ thống thông tin quản lý	✓			✓			
Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính		✓	✓	✓			
Quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại		✓	✓		✓		✓
Quản lý Tài chính công		✓		✓			
Quản trị ngân hàng thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số		✓	✓		✓		✓
Phân tích và dự báo tài chính			✓	✓	✓		✓
Lãnh đạo và quản lý	✓			✓			✓
Quản trị chiến lược trong tổ chức	✓			✓			✓
Quản lý tài chính cá nhân		✓		✓			
Quản trị rủi ro tài chính		✓		✓			
Công nghệ tài chính		✓	✓				
Tài chính vi mô		✓	✓				
Thực tập			✓	✓	✓		✓
Đề án tốt nghiệp			✓	✓	✓		✓

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 1 năm 2024

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

(ký, ghi rõ họ tên)

Lê Quang Hiếu